

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THANH HÓA  
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 12 - 3 - 2025

V/v “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH HÓA, TỈNH LONG AN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Triển

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Lê Văn Lý

Bà Nguyễn Thị Hai

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Ánh Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Hóa, tỉnh Long An.

Trong ngày 12 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Hóa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 168/2024/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà **Cao Thị T**, sinh năm 1984; Nơi thường trú: Khu phố C, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An; Nơi ở hiện nay: Ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Long An (Có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

- **Bị đơn:** Ông **Võ Đăng K**, sinh năm 1985; Địa chỉ: Khu phố C, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An (Vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\*Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - bà Cao Thị T trình bày:* Bà T và ông Võ Đăng K có tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An vào ngày 25/10/2006 (Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 41/2006, quyển số 01). Trong quá trình chung sống, vợ chồng có 02 người con chung tên Võ

Hoàng Lan P, sinh ngày 02/12/2018 và Võ Thành L, sinh ngày 12/9/2009. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, tuy nhiên về sau phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu do tính tình hai bên không hợp nhau, kinh tế gia đình gặp nhiều khó khăn, vợ chồng thường xuyên cãi vã, tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc. Năm 2019, ông K không quan tâm, chăm lo, làm ăn kinh tế cho gia đình chỉ lo cho bản thân và có mối quan hệ tình cảm vượt mức với người khác ở bên ngoài.

Nay, bà T nhận thấy mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn, bà T không còn tình cảm gì với ông K nên yêu cầu Tòa án giải quyết:

– *Về hôn nhân*: Bà T yêu cầu được ly hôn với ông Võ Đăng K.

– *Về con chung*: Bà T yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng Võ Thành L, sinh ngày 12/9/2009 và Võ Hoàng Lan P, sinh ngày 02/12/2018. Yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng/người con cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. L và P hiện đang sống với bà T.

– *Về tài sản chung và nợ chung*: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\**Bị đơn - ông Võ Đăng K* đã được Tòa án nhân dân huyện Thạnh Hóa triệu tập hợp lệ đúng quy định của pháp luật nhưng ông K vắng mặt không có lý do và không có ý kiến hay văn bản đề nghị gửi cho Tòa án. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Thạnh Hóa tiến hành các thủ tục tố tụng để đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Cao Thị T và ông Võ Đăng K có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An vào ngày 25/10/2006 (Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 41/2006, quyển số 01) nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn với bị đơn. Bị đơn ông Võ Đăng K có địa chỉ tại huyện T, tỉnh Long An. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An.

[2] Về việc giải quyết vắng mặt bà Cao Thị T và ông Võ Đăng K: Xét thấy, bà T vắng mặt nhưng có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt; ông K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ vào Điều 227

và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành giải quyết vắng mặt bà T, ông K.

[3] Về hôn nhân giữa bà T và ông K: Bà T yêu cầu ly hôn với ông K với lý do vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, ông K không chăm lo cho cuộc sống gia đình. Ông K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu của bà T. Như vậy, ông K không có thiện chí hàn gắn hôn nhân. Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở khẳng định tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông K đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà T đối với ông K là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về con chung: Bà T cung cấp giấy khai sinh Võ Thành L, sinh ngày 12/9/2009 và Võ Hoàng Lan P, sinh ngày 02/12/2018 là con chung của bà T với ông K. Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi con. Xét thấy, ông K không có ý kiến về việc nuôi con. Mặt khác, con chung Võ Thành L, Võ Hoàng Lan P hiện đang sống ổn định với bà T; Võ Thành L có đề nghị được tiếp tục sống với mẹ là bà T, Võ Hoàng Lan P còn nhỏ cần phải có sự chăm sóc của mẹ nên yêu cầu tiếp tục nuôi các con của bà T được chấp nhận.

Đối với việc cấp dưỡng nuôi con chung: Bà T yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng/người con cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Ông K không có văn bản trình bày ý kiến về vấn đề này. Xét thấy, theo quy định tại Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình thì người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng của bà T. Về mức cấp dưỡng nuôi con chung, căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 7 của Nghị quyết 01/2024/QĐ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao, đề nghị được cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng/người con của bà T là phù hợp nên chấp nhận. Thời gian cấp dưỡng nuôi con chung kể từ ngày bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

[5] Về tài sản và nợ: Bà T không yêu cầu giải quyết. Ông K không có ý kiến trình bày nên không đề cập giải quyết trong vụ án này. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp thì tách ra giải quyết bằng một vụ án khác.

[6] Về án phí: Bà Cao Thị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm sung vào công quỹ Nhà nước theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Ông K có nghĩa vụ cấp dưỡng nên phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 28, 35, 39 và Điều 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

**1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Cao Thị T.**

**1.1 Về hôn nhân:** Cho bà Cao Thị T được ly hôn với ông Võ Đăng K.

**1.2 Về con chung:** Bà Cao Thị T được quyền nuôi dưỡng Võ Thành L, sinh ngày 12/9/2009 và Võ Hoàng Lan P, sinh ngày 02/12/2018. L và P hiện đang sống với bà T. Ông Võ Đăng K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng/người con. Thời gian cấp dưỡng nuôi con chung kể từ ngày bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

**1.3 Về tài sản chung và nợ chung:** Các đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết nên Toà án không xem xét giải quyết trong vụ án này.

**2. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:**

Bà Cao Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Khấu trừ số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí bà T đã nộp theo biên lai số 0004182 ngày 29 tháng 10 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Hóa sang thi hành án phí. Bà T không phải nộp thêm.

Ông Võ Đăng K phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng cấp dưỡng nuôi con chung.

Tất cả án phí sung vào ngân sách Nhà nước.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

4. Về việc thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Thanh Hóa;
- Chi cục THADS huyện Thanh Hoá;
- UBND thị trấn Thanh Hóa, h. Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Triển**